

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS-ST
Ngày: 04-7-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Tới, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ Q, ấp T, xã Y, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Tống Thị X, sinh năm 1978;

Ông Lê Văn A, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ cư trú: H, ấp Y, xã X, huyện B, tỉnh Tây Ninh; bà X có mặt, ông A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Võ Thị T trình bày:

Ngày 10/01/2014 âm lịch, bà có cho bà X vay số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc; tiền lãi thỏa thuận 280.000 đồng/tháng. Mục đích vay là để đáo hạn

Ngân hàng. Khi vay hai bên có làm giấy nợ, bà X có ký tên và ghi họ tên Tổng Thị X vào cuối giấy nợ.

Từ khi vay cho đến nay bà X chưa trả tiền gốc và tiền lãi. Nay bà yêu cầu bà Tổng Thị X và ông Lê Văn A cùng có nghĩa vụ trả số tiền 28.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Tổng Thị X trình bày:

Bà không vay tiền của bà T nên không đồng ý trả số tiền 28.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T. Lý do: Vào năm 2016 bà T khởi kiện bà L, ông C tại Tòa án, bà T có nhờ bà ký tên làm chứng sự việc bà L, ông C có tham gia chơi dây hụi khui ngày 01/8/2014 do bà T làm chủ hụi. Khi đó bà có ký và ghi họ tên Tổng Thị X vào cuối tờ giấy trắng nên bà T đã viết nội dung bà có vay số tiền 28.000.000 đồng và khởi kiện bà tại Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Lê Văn A trình bày:

Bà X là vợ ông, tuy nhiên ông không đồng ý cùng bà X trả số tiền 28.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T. Vì 28.000.000 đồng là số tiền lớn, bà T cho bà X vay nhưng lại không thông báo cho ông biết nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 99, 195, 196 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Ngày 10/01/2014 âm lịch bà T cho bà X vay số tiền 28.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ có chữ ký và ghi họ tên Tổng Thị X cuối giấy nợ. Bà T khởi kiện yêu cầu bà X, ông A trả số tiền 28.000.000 đồng, bà X, ông A không đồng ý nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc bà X không vay tiền của bà T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/7/2017 ông Lê Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn A.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu bà Tống Thị X và ông Lê Văn A trả số tiền 28.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Võ Thị T cung cấp cho Tòa án giấy nợ ngày 10/01/2014 âm lịch nhằm ngày 09/02/2014 dương lịch, nội dung giấy thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng đến nay bà X chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T. Vì vậy, ngày 15/02/2017 bà T làm đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do tranh chấp giữa bà Võ Thị T và bà Tống Thị X, ông Lê Văn A xảy ra trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 2005 để giải quyết.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

Bà T yêu cầu bà X, ông A trả cho bà số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng và cung cấp cho Tòa án giấy nợ ngày 10/01/2014 âm lịch để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Bà X, ông A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T, vì bà và ông A không vay tiền của bà T, việc giấy nợ có chữ ký và ghi họ tên “Tống Thị X” do bà ký tên trước vào tờ giấy trắng mục đích để xác nhận bà L, ông C có chơi hui do bà T làm chủ hui, sau đó bà T viết thêm nội dung bà vay số tiền 28.000.000 đồng vào giấy đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà X có ký tên và ghi họ tên vào giấy nợ ngày 10/01/2014 âm lịch là có thật, được bà X thừa nhận. Ngoài lời trình bày của bà X thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh cho việc bà X không vay số tiền 28.000.000 đồng của bà T. Do đó việc bà T khởi kiện bà X là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, buộc bà Tống Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T số tiền 28.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về trách nhiệm trả nợ:

Bà T yêu cầu bà X và ông A cùng có trách nhiệm trả số nợ 28.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Cơ sở để bà T yêu cầu ông T cùng trả nợ: bà X và ông A là vợ chồng, bà X vay tiền đáo hạn Ngân hàng. Ông A không đồng ý cùng bà X trả nợ vì vào năm 2014 vợ chồng ông không vay Ngân hàng, số tiền 28.000.000 đồng là số tiền lớn, nếu là nợ chung của hai vợ chồng thì bà T phải thông báo cho ông biết.

Xét lời trình bày của bà T, X và ông A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vay mượn tiền giữa bà T và bà X được thể hiện trong giấy vay tiền ngày 10/01/2014 âm lịch, có chữ ký của bà X, được bà X thừa nhận. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của bà T mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng thì không có chứng cứ nào vững chắc, trực tiếp để chứng minh số tiền vay 28.000.000 đồng là số tiền nợ chung của bà X và ông T. Mặt khác, ông T lại không đồng ý trả nên không có căn cứ để buộc ông Lê Văn A liên đới cùng trả nợ với bà Tống Thị X.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T yêu cầu ông Lê Văn A cùng có trách nhiệm trả nợ 28.000.000 đồng cùng với bà Tống Thị X.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T được chấp nhận nên bà Tống Thị X phải chịu 1.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Tống Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng. Ghi nhận bà Võ Thị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Võ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Tống Thị X không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Tống Thị X còn phải trả cho bà Võ Thị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T yêu cầu ông Lê Văn A cùng có trách nhiệm trả số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng cùng với bà Tống Thị X.

3. Về án phí:

Bà Tống Thị X phải chịu 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị T 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003859 ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT(1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu hồ sơ P(3).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương